

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 4 - 2018

V/v Ly hôn giữa chị M và anh T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Lan

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Sỹ Sơn
2. Ông Phan Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Diệu Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình ghi biên bản phiên tòa

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy: Bà Phạm Thị Thanh Hải – kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 4 năm 2018, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2018 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2018/QĐST- HNGĐ ngày 28/02/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2018/QĐST – HNGĐ ngày 19/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị M, sinh năm 1980, có mặt
Địa chỉ: thôn LB, xã TX, huyện T, Thái Bình.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành Tuấn, sinh năm 1976, vắng mặt
Địa chỉ: thôn LB, xã TX, huyện T, Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai quá trình xét xử nguyên đơn là chị Vũ Thị Mai trình bày:

1. *Về hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1976 quê quán ở xã HQ, huyện T, tỉnh Thái Bình kết hôn có đăng ký ngày 05/12/2003 tại UBND xã HQ, huyện T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn chị và anh T chung sống tại xã HQ đến năm 2014 thì

anh chị chuyển về ở tại gia đình nhà bố mẹ chị ở thôn LB, xã TX, huyện T, tỉnh Thái Bình và từ đó đến nay làm ăn cư trú ổn định tại đây. Quá trình chung sống do tính tình không hợp, anh Tuấn sống không có trách nhiệm với chị và gia đình nên chị và anh Tuấn có nhiều mâu thuẫn, hai bên gia đình đình và thôn xã đã hòa giải nhưng không có kết quả; đến nay chị xác định không thể cùng chung sống với anh Tuấn được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh Tuấn.

2. *Về nuôi con chung*: Chị và anh Nguyễn Thành T có hai con chung là Nguyễn Thế P, sinh ngày 02/11/2004 và Nguyễn Thị VA, sinh ngày 11/01/2009. Chị M yêu cầu trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

3. *Về phân tài sản*: Chị Vũ Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Thành T vắng mặt nên không ghi được ý kiến trình bày của anh Tuấn

Từ khi thụ lý vụ án, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Thành T đến làm việc nhưng anh T đều vắng mặt không rõ lý do, Tòa án không hòa giải được và không rõ ý kiến của anh T về vụ án.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên đã phát biểu về tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đều đúng pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Mai ly hôn anh T; Về nuôi con chung: Giao cả hai chung Nguyễn Thế P, sinh ngày 02/11/2004 và Nguyễn Thị VA, sinh ngày 11/01/2009 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Anh Nguyễn Thành T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng anh Nguyễn Thành T

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*:

Chị Vũ Thị M kết hôn với anh Nguyễn Thành T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HQ là hôn nhân hợp pháp. Do tính tình không hợp nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, căng thẳng là từ năm 2014, sau khi vợ chồng chuyển về thôn LB, xã TX chung sống. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được địa phương hòa giải nhưng không có kết quả, nay chị M có đơn ly hôn, anh T bỏ mặc nên không có giải pháp nào hàn gắn tình cảm cho anh chị. Tình trạng mâu thuẫn giữa chị M và anh T còn được chứng minh

qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TX. Như vậy đủ chứng cứ xác định mâu thuẫn giữa chị M và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị M ly hôn anh T.

[3]. *Về nuôi con chung*: Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Thành T có hai con chung là Nguyễn Thế P, sinh ngày 02/11/2004 và Nguyễn Thị VA, sinh ngày 11/01/2009, chị M có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung; hiện anh T vắng mặt, hai con đều có nguyện vọng được ở với chị M nên chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cả hai con Nguyễn Thế P và Nguyễn Thị VA cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị M không không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con;

[4]. *Về phần tài sản*:

Do đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*:

Chị Vũ Thị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 17 luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí:

1. *Về quan hệ hôn nhân*:

Xử cho chị Vũ Thị M ly hôn anh Nguyễn Thành T

2. *Về con chung*:

Chị Vũ Thị M và anh Nguyễn Thành T có hai con chung là Nguyễn Thế P, sinh ngày 02/11/2004 và Nguyễn Thị VA, sinh ngày 11/01/2009. Giao cả hai con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị M không không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, thay đổi người trực tiếp nuôi con được đặt ra giải quyết khi đương sự có yêu cầu.

3. *Về tài sản chung*: Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*:

Nguyên đơn là chị Vũ Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên lai số 0001283 ngày

22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy. Chị Vũ Thị M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là chị Vũ Thị M có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn là anh Nguyễn Thành T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã HQ;
- UBND xã TX;
- VKSND huyện T;
- Thi hành án dân sự huyện T
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Thụy Dương;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy
- Lưu hồ sơ

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Hương Lan

